

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 920/2019/DS-ST

Ngày: 29/11/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 590/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Lầu 8, số 266 – 268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Bích Thanh T (vắng mặt)

Văn bản ủy quyền số 1114/2019/UQ-GĐK-TDĐT ngày 10/7/2019)

Bị đơn: Ông Lương Thiện H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: 289 đường P, Phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Bích Thanh T (gọi tắt là bà T) đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22 tháng 6 năm 2016 ông Lương Thiện H (gọi tắt là ông H) ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã cấp 02 thẻ tín dụng, gồm:

Thẻ Visa Credit Classic 472074 – 1631 (gọi tắt là thẻ Visa), thẻ JCB Motor Card Classic 356480 – 8198 (gọi tắt là thẻ JCB), với hạn mức sử dụng chung là 18.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 54.386.462 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa là 34.607.256 đồng;
- Thẻ JCB là 19.779.206 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 43.319.403 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa là 31.638.828 đồng;
- Thẻ JCB là 11.680.575 đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/11/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền tạm tính đến ngày 29/11/2019 như sau:

- Nợ gốc: 20.042.840 đồng, trong đó: Thẻ Visa là 5.986.970 đồng; thẻ JCB là 14.055.870 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 18.220.554 đồng, trong đó: thẻ Visa là 4.884.924 đồng, thẻ JCB là 13.335.630 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi: 38.263.394 đồng (20.042.840 đồng + 18.220.554 đồng).

Ngày 05/11/2019 bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Bà T khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Thiện H không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa ông Lương Thiện H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thể hiện: ông H được Ngân hàng cấp 02 thẻ tín dụng như nguyên đơn trình bày. Căn cứ bảng tóm tắt sao kê có cơ sở xác định quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 54.386.462 đồng, ông H đã trả cho nguyên đơn số tiền 43.319.403 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông H thanh toán số tiền 38.263.394 đồng (tiền gốc 20.042.840 đồng; tiền lãi 18.220.554 đồng).

Do ông H không thực hiện nghĩa vụ, xâm phạm đến lợi ích nguyên đơn, căn cứ Điều 26, 35, 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký giữa ông H với Ngân hàng, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định ông H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ kết quả xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Công an Phường 15, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh: ông Lương Thiện H có đang thường trú tại địa chỉ 289 đường P, Phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Do ông H cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Đối với ông H, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ cho ông H để ghi tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký giữa ông Lương Thiện H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: ông H được Ngân hàng cấp 02 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng chung là 18.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: Thẻ Visa Credit Classic 472074 – 1631, thẻ JCB Motor Card Classic 356480 – 8198. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện giao dịch và thanh toán một phần tiền cho nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ bảng chi tiết giao dịch khách hàng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 54.386.462 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa là 34.607.256 đồng;
- Thẻ JCB là 19.779.206 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 43.319.403 đồng, cụ thể:

- Thẻ Visa là 31.638.828 đồng;
- Thẻ JCB là 11.680.575 đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngày 01/11/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo điều 23 của bản điều khoản, số tiền nợ gốc là 20.042.840 đồng và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả số tiền tạm tính đến ngày 29/11/2019, cụ thể:

- Nợ gốc: 20.042.840 đồng, trong đó: Thẻ Visa là 5.986.970 đồng; thẻ JCB là 14.055.870 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 18.220.554 đồng, trong đó: thẻ Visa là 4.884.924 đồng, thẻ JCB là 13.335.630 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi: 38.263.394 đồng (20.042.840 đồng + 18.220.554 đồng).

Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Lương Thiện H phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 38.263.394 (Ba mươi tám triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm chín mươi bốn) đồng, cụ thể:

- Nợ gốc: 20.042.840 đồng, trong đó: Thẻ Visa là 5.986.970 đồng; thẻ JCB là 14.055.870 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 18.220.554 đồng, trong đó: thẻ Visa là 4.884.924 đồng, thẻ JCB là 13.335.630 đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lương Thiện H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của 02 thẻ, cụ thể: Thẻ Visa Credit Classic 472074 – 1631, thẻ JCB Motor Card Classic 356480 – 8198.

Trường hợp trong đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà ông Lương Thiện H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lương Thiện H phải chịu 1.913.170 (Một triệu chín trăm mười ba ngàn một trăm bảy mươi) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 871.000 (Tám trăm bảy mươi một ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0042081 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM ;
- VKSND Q.PN;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND quận 9, quận Phú Nhuận;
- THADS Q.QPN;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Ngô Kim Phụng